TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 192/2018/DS-PT
Ngày**:** 22-10-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đặng Thị Đồng.

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Hồng Mai; ông Nguyễn Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Ông Trương Thái Hồng, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2018/TLPT-DS ngày 11 tháng 9 năm 2018, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 67/2018/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018, của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 171/2018/QĐ-PT ngày 25 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lưu Thị T, sinh năm 1957; cư trú tại: Khu phố B, Phường P, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Độc T1, sinh năm 1978; chị Trần Thị Yến T2, sinh năm 1981; cùng cư trú tại: Khu phố M, Phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1969, cư trú tại: Ấp B1, xã B2, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, theo Giấy ủy quyền ngày 28 tháng 4 năm 2018; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Lưu Thị T trình bày:

Bà có cho vợ chồng anh Nguyễn Độc T1, chị Trần Thị Yến T2 vay tiền 02 lần, cụ thể như sau:

Ngày 15-7-2016, cho vay 1.250.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, thời hạn trả là 12 tháng, anh T1, chị T2 viết giấy mượn tiền và ký tên.

Đã trả tiền lãi đến tháng 6 năm 2017, với số tiền 206.250.000 đồng. Từ tháng 7 năm 2017 đến nay ngưng không trả tiền lãi.

Ngày 27-10-2016, cho vay 1.100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, thời hạn trả là 12 tháng. Đã trả tiền lãi đến tháng 6 năm 2017, với số tiền 88.000.000 đồng. Từ tháng 7 năm 2017 đến nay ngưng không trả tiền lãi.

Tổng cộng nợ gốc là 2.350.000.000 đồng .

Do anh T1, chị T2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đã đòi nhiều lần nhưng không trả cả tiền vay gốc và tiền lãi nên bà khởi kiện yêu cầu anh T1, chị T2 trả 2.350.000.000 đồng tiền vay gốc, không yêu cầu trả lãi từ tháng 7 năm 2017 đến nay, số tiền lãi đã trả nếu vượt quá mức lãi suất pháp luật cho phép thì bà chấp nhận trừ vào nợ gốc.

Bị đơn - anh Nguyễn Độc T1, chị Trần Thị Yến T2, do ông Nguyễn Hữu L đại diện trình bày:

Anh T1, chị T2 có nợ bà T tổng cộng là 2.350.000.000 đồng như bà T trình bày, đã trả lãi đến tháng 6 năm 2017 thì ngưng do làm ăn thua lỗ, không có khả năng trả nợ nhưng tiền lãi đã trả theo mức lãi suất từ 3% - 4%tháng, không phải là 1,5%/tháng như bà T trình bày, số tiền lãi đã trả cụ thể bao nhiêu không nhớ.

Anh T1, chị T2 chấp nhận trả cho bà T 2.350.000.000 đồng tiền vay gốc, số tiền lãi đã trả theo mức 3% - 4% yêu cầu tính lại theo quy định pháp luật.

- Bản án Dân sự sơ thẩm số: 67/2018/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018, của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Áp dụng Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với anh T1 và chị T2.

Xác định số tiền nợ gốc là 2.350.000.000 đồng, trừ vào số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất theo quy định pháp luật. Buộc anh T1, chị T2 phải trả cho bà T số tiền nợ gốc sau khi trừ là 2.298.437.500 đồng. Ghi nhận bà T không yêu cầu trả lãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí; quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của đương sự theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 06 tháng 8 năm 2018, ông Nguyễn Hữu L đại diện cho anh T1, chị T2 kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tính lại số tiền lãi anh T1, chị T2 đã trả theo mức lãi suất từ 3% - 4%.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T1, chị T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Bà Lưu Thị T yêu cầu xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T.

[2] Anh Nguyễn Độc T1 và chị Trần Thị Yến T2 thừa nhận việc có vay của bà T 1.250.000.000 đồng vào ngày 15-7-2016 và 1.100.000.000 đồng vào ngày 27-10-2016, tổng cộng là 2.350.000.000 đồng và chấp nhận trả theo yêu cầu của bà T.

[3] Về lãi suất:

[3.1] Ông Nguyễn Hữu L trình bày anh T1, chị T2 đã trả tiền lãi cho bà T với lãi suất từ 3% đến 4% mỗi tháng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Giấy mượn tiền ghi ngày 15-7-2016 và ngày 27-10-2016 ghi rõ lãi suất hai bên thỏa thuận là 1%/tháng đối với số tiền vay 1.100.000.000 đồng và 1,5%/tháng đối với số tiền vay 1.250.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định tiền lãi anh T1, chị T2 đã trả theo mức lãi suất bà T khai, đúng theo giấy mượn tiền là có căn cứ. Anh T1, chị T2 kháng cáo yêu cầu tính lại tiền lãi theo mức lãi suất từ 3% đến 4%/ tháng là không có căn cứ.

[3.2] Theo quy định tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì lãi suất do các bên thỏa thuận không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định (lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/năm).

Mức lãi suất hai bên thỏa thuận 1,5%/tháng đối với số tiền vay 1.250.000.000 đồng là vượt quá mức lãi suất theo quy định, Tòa án cấp sơ thẩm tính lại và trừ vào nợ gốc là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T1, chị T2; giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T1, chị T2; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên anh T1, chị T2 phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Độc T1 và chị Trần Thị Yến T2.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2018/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018, của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

2. Áp dụng Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" của bà Lưu Thị T đối với anh Nguyễn Độc T1 và chị Trần Thị Yến T2.

Buộc anh Nguyễn Độc T1 và chị Trần Thị Yến T2 có nghĩa vụ trả cho bà Lưu Thị T số tiền nợ gốc là 2.298.437.500 (hai tỷ hai trăm chín mươi tám triệu bốn trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm) đồng. Ghi nhận bà Lưu Thị T không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm:

Anh Nguyễn Độc T1 và chị Trần Thị Yến T2 phải chịu 77.968.750 (bảy mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi) đồng án phí sơ thẩm.

Bà Lưu Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự thành phố T hoàn trả cho bà Lưu Thị T số tiền 39.500.000 (ba mươi chín triệu, năm trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0005097 ngày 06-3-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

4. Về án phí phúc thẩm:

Anh Nguyễn Độc T1, chị Trần Thị Yến T2 cùng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp

theo Biên lai thu số: 0005890 ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Đồng